

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS-ST
Ngày: 27-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2024/TLST-DS ngày 24/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/QĐXXST-DS ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

2- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Bà L có tham gia chơi hui do bà D làm chủ hui. Bà L còn nợ tiền 04 dây hui, cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất mở hui vào ngày 10/8/2019 âm lịch, giá 2.000.000 đồng/tháng, có 27 người tham gia; bà L tham gia 01 phần, hốt vào ngày 10/10/2019 được

33.000.000 đồng; bà L đóng hội chết đến ngày 10/3/2020 thì ngưng đóng, bà D tràng cho bà L từ ngày 10/4/2020 đến mãn hội ngày 10/10/2021 âm lịch là 19 lần số tiền 38.000.000 đồng.

+ Dây thứ hai mở hội vào ngày 15/5/2020 âm lịch, giá 2.000.000 đồng/tháng, có 30 người tham gia; bà L tham gia 01 phần, hốt vào ngày 15/5/2020 được 40.600.000 đồng; bà L đóng hội chết đến ngày 15/8/2020 thì ngưng đóng, bà D tràng cho bà L từ ngày 15/9/2020 đến mãn hội ngày 15/10/2022 âm lịch là 26 lần số tiền 52.000.000 đồng.

+ Dây thứ ba mở hội vào ngày 06/02/2021 âm lịch, giá 2.000.000 đồng/tháng, có 30 người tham gia; bà L tham gia 01 phần, hốt vào ngày 06/3/2021 được 37.400.000 đồng; bà L đóng hội chết đến ngày 06/7/2021 thì ngưng đóng, bà D tràng cho bà L từ ngày 06/8/2021 đến mãn hội ngày 06/7/2023 âm lịch là 24 lần số tiền 48.000.000 đồng.

+ Dây thứ tư mở hội ngày 30/8/2020 âm lịch, giá 2.000.000 đồng/tháng, có 32 phần; bà Hai S chơi giùm cho bà L 01 phần, bà L hốt ngày 30/4/2021 âm lịch được 38.560.000 đồng. Sau khi hốt bà L không đóng hội chết còn lại, bà D tràng cho bà L từ ngày 30/5/2021 đến mãn là ngày 30/02/2023 âm lịch là 22 lần số tiền 44.000.000 đồng.

Tổng số tiền 04 phần hội bà L còn nợ là 182.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu đồng). Bà D yêu cầu buộc bà L phải trả số tiền hội còn nợ trên, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, bà D và bà L thống nhất dây hội số 1 (ngày 10/8/2019), dây hội số 3 (ngày 06/02/2021), dây hội số 4 (ngày 30/8/2020) ghi trong đơn khởi kiện bà L còn nợ 130.000.000 đồng. Dây hội số 2 (ngày 15/5/2020) bà D chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh nên rút lại yêu cầu, khi nào tìm được tài liệu sẽ khởi kiện sau.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày*: Bà L chơi hội của bà D tổng cộng 03 dây. Trong đó 02 dây trực tiếp tham gia, 01 dây còn lại mượn của bà Hai S (S1). Dây đầu tiên chơi giá 2.000.000 đồng, bao nhiêu người tham gia và hội khi nào mãn không nhớ. Dây này bà D hốt giùm và tràng cho bà L số tiền bao nhiêu thì không rõ. Dây hội thứ hai chơi giá 2.000.000 đồng, bao nhiêu người tham gia và hội khi nào mãn không nhớ. Dây này bà D hốt giùm và tràng cho bà L số tiền bao nhiêu thì không rõ, phần này đóng được khoản mười mấy lần, đóng được bao nhiêu

tiền thì không nhớ. Dây thứ ba mượn của bà Hai S (bà S1) giá 2.000.000 đồng, bao nhiêu người tham gia và khi nào mất không nhớ. Bà S1 hốt và đưa cho bà L được 18.500.000 đồng, dây này bà S1 đóng được 09 lần, còn lại 21 lần chưa đóng. Bà L thừa nhận còn thiếu bà D số tiền hụi là 125.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền trên và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà L trình bày: Có tham gia 03 dây hụi, trong đó 01 dây còn nợ 38.000.000 đồng; 01 dây còn nợ 44.000.000 đồng, còn 01 dây không nhớ. Bà L thống nhất dây hụi số 1, 3, 4 ghi trong đơn khởi kiện, bà L còn nợ 130.000.000 đồng. Dây hụi số 2 ghi trong đơn không thừa nhận, bà D rút yêu cầu bà L đồng ý, nếu bà D có chứng cứ thì cứ khởi kiện lại.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà D đối với 03 dây hụi số tiền 130.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu dây hụi ngày 15/5/2020 số tiền 52.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà D và bà L có hợp đồng góp hụi, nay có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự đều xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn có ghi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H. Tuy nhiên khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình giải quyết thấy rằng anh H không có liên quan gì trong vụ án, các đương sự cũng thống nhất không liên quan đến anh H nên khi xét xử không cần đưa anh H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Bà D khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền của 04 dây hụi là 182.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà D và bà L thống nhất được 03 dây hụi bà L còn nợ 130.000.000 đồng. Đây là tình tiết rõ ràng các bên thừa nhận nên đương sự không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn lại 01 dây hụi ngày 15/5/2020 bà D chưa có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên rút lại yêu cầu khi nào có tài liệu nếu không tự thỏa thuận được sẽ khởi kiện lại sau.

Bà L đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng, yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được bà D đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận của các bên.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng phải buộc bà L trả cho bà D số tiền 130.000.000 đồng mà các bên đã thống nhất.

Đối với đây hui bà D rút yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết; khi nào bà D có tài liệu, chứng cứ để chứng minh mà không tự thỏa thuận được thì bà D có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà L là người phải chịu án phí nhưng do bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Hoàn trả cho bà D1 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 16, 17, 24, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về “*họ, hui, biêu, phường*”; các Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị D đối với bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà Lâm Thị D số tiền hui là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Lâm Thị D đã rút đối với số tiền hui 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

2- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lâm Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005052 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận